TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÁNH PHỐ THỦ ĐỨC** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3223/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Cảnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu
2. Ông Trần Đăng Vạn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3906/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4561/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thân Ngọc Lệ H, sinh năm 1987 (có mặt);
Địa chỉ: 1 đường A, tổ I, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành H.
Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Địa chỉ: 1 đường A, tổ I, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử tại Tòa án, nguyên đơn là Thân Ngọc Lệ H trình bày:

Bà Thân Ngọc Lệ H và ông Nguyễn Công T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17/8/2015.

Cuộc sống chung của bà H và ông T hạnh phúc. Từ năm cuối 2022 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T bạo hành gia đình nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi xin được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Về con chung: Bà Thân Ngọc Lệ H và ông Nguyễn Công T có 02 con chung tên Nguyễn Thân Khánh Q, sinh ngày 08/9/2015 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 23/4/2017. Bà H y êu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 23/4/2017, yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thân Khánh Q, sinh ngày 08/9/2015; bà H và v à ông T không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có

Trong qua trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Công T trình bày:

Ông Nguyễn Công T và bà Thận Ngọc Lệ H1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17/8/2015.

Cuộc sống chung của ông T và bà H1 hạnh phúc. Đến cuối năm 2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H1 xúc phạm ông T nên ông T không kiềm chế được đã đánh bà H1. Nay bà H1 yêu cầu ly hôn với ông T thì ông T không đồng ý bởi vì ông T muốn vợ chồng sống chung lo cho con.

Về con chung: Ông Nguyễn Công T và bà Thân Ngọc Lệ H có 02 con chung tên con chung tên Nguyễn Thân Khánh Q, sinh ngày 08/9/2015 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 23/4/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà H yêu c ầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 23/4/2017, yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thân Khánh Q, sinh ngày 08/9/2015; ông T v à b à H không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau thì ông T đồng ý.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có

Phát biểu của đ ại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn là ông Nguyễn Công T có địa chỉ tại thành phố T, Thành H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Công T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của hai bên và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà Thân Ngọc Lệ H và ông Nguyễn Công T đã chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17/8/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông T đánh bà H, tình trạng trên ngày càng không được cải thiện.

Theo Công văn xác minh mâu thuẫn Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Ủy ban nhân dân phường P không xác định được mâu thuẫn gia đình của bà Thân Ngọc Lệ H và ông Nguyễn Công T nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 19: Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm só, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. …"

Xét, quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét, tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông T trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở giải quyết.

Xét, ông Nguyễn Công T không đồng ý ly hôn với lý do muốn vợ chồng chăm lo cho con. Ông T xác định có mâu thuẫn với bà H, không muốn ly hôn chỉ vì muốn cùng lo cho con chứ không thể cải thiện nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, vun đắp hạnh phúc gia đình nên xét đề nghị của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Thân Ngọc Lệ H và ông Nguyễn Công T có 02 con chung tên Nguyễn Thân Khánh Q, sinh ngày 08/9/2015 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 23/4/2017. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 23/4/2017, yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thân Khánh Q, sinh ngày 08/9/2015; bà H và và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Ông T đồng ý với yêu cầu của bà H nếu T2 án giải quyết cho ly hôn. Đây là sự thỏa thuận giữa bà H và ông T, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà H và ông T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa thống nhất, phù hợp hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Bà Thân Ngọc Lệ H phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thân Ngọc Lệ H và ông Nguyễn Công T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17/8/2015 cho bà Thân Ngọc Lệ H và ông Nguyễn Công T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 23/4/2017 cho bà Thân Ngọc Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung tên Nguyễn Thân Khánh Q, sinh ngày 08/9/2015 cho ông Nguyễn Công T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Bà Thân Ngọc Lệ H, ông Nguyễn Công T không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Bà H, ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thân Ngọc Lệ H phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0007657 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà Thân Ngọc Lệ H đã nộp đủ án phí.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức ;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- UBND P. Phủ Hà, Tp Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Cảnh Long